TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Thun Phrâo.

Ông Nguyễn Văn Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh V, sinh ngày 25/7/1984, số định danh cá nhân 051184001721; địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Cao P, sinh ngày 14/8/1983, số định danh cá nhân 052083000824; địa chỉ: Thôn G, xã C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh V:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh V và anh Đỗ Cao P tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển số 01 ngày 05-12-2006 của UBND xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên đến đầu năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường

xuyên bất hòa, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Trước đây chị đã hai lần nộp đơn xin ly hôn nhưng vì nhiều lý do nên sau đó lại rút đơn hoặc không để Tòa án thụ lý vụ án. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng nghiêm trọng về quan điểm sống, vợ chồng không có chung quan điểm, suy nghĩ trong các vấn đề về kinh tế, gia đình, không nói chuyện, không thống nhất được với nhau. Anh P thường xuyên mắng chửi, xúc phạm chị tạo cho chị rất nhiều áp lực, căng thẳng. Hiện nay anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn nói chuyện, không chia sẻ với nhau, việc ai nấy làm. Mâu thuẫn của anh chị đã phát sinh từ lâu và diễn ra trong một thời gian dài nhưng chỉ biểu hiện trong gia đình, chỉ có vợ chồng anh chị biết chứ không biểu hiện ra bên ngoài nên hàng xóm và chính quyền địa phương không nắm được. Chị đã suy nghĩ, cố gắng nhiều nhưng cảm thấy mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hiện tại rất áp lực, ngột ngạt. Mặc dù chị đã được Tòa án giải thích, động viên, hòa giải nhiều lần nhưng chị vẫn cảm thấy việc ly hôn sẽ tốt hơn cho cả hai nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh P.

Bản thân chị cũng không hề mong muốn vợ chồng phải ly hôn vì sẽ ảnh hưởng lớn đến các con, tuy nhiên thực sự cuộc sống của chị quá áp lực, cháu lớn không nói gì nhưng cháu nhỏ thì cũng ủng hộ chị ly hôn, bố mẹ, các anh chị em của chị cũng ủng hộ chị ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị cũng muốn rút đơn về để cho cả hai thêm thời gian và cơ hội, hàn gắn tình cảm nhưng chị cảm nhận được anh P không thiện chí hàn gắn, bỏ mặc chị và các con. Vì vậy, chị vẫn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có ba con chung là Đỗ Cao C, sinh ngày 28-3-2008; Đỗ Diễm M, sinh ngày 19-11-2009; Đỗ Diễm T, sinh ngày 05-6-2020. Con Đỗ Cao C đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con Đỗ Diễm M, Đỗ Diễm T và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang mang thai con thứ tư nhưng cháu chưa sinh ra nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

2. Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh Đỗ Cao P:

Anh Đỗ Cao P thừa nhận cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn như chị Đỗ Thị Thanh V đã trình bày với Tòa án. Tuy nhiên anh không muốn ly hôn mà mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Anh hứa sẽ điều chỉnh, thay đổi, không mắng chửi vợ con nữa. Nếu vợ chồng ly hôn thì các con của anh chị sẽ khổ vì các cháu đều đang ở giai đoạn vị thành niên, suy nghĩ, nhận thức chưa đầy đủ, nếu cha mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Hiện nay chị V cũng đang mang thai con thứ tư của anh chị nên tâm lý

cũng không được ổn định. Do đó anh mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng được đoàn tụ. Chị V chỉ đồng ý rút đơn nếu anh P đồng ý ly thân, dọn vào ở tại căn nhà thứ hai của vợ chồng anh chị, tuy nhiên anh không đồng ý vì nếu như vậy sẽ không thể có cơ hội thể hiện được sự thay đổi của bản thân.

Đối với các nội dung khác như chị Đỗ Thị Thanh V trình bày, anh P thống nhất và không có ý kiến bổ sung.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng, quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh V.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thanh V được ly hôn anh Đỗ Cao P.

Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đối với con chung là Đỗ Cao C, sinh ngày 28-3-2008, hiện nay đã đủ 18 tuổi và tự lập nên không giải quyết. Đối với hai con chung là Đỗ Diễm M, sinh ngày 19-11-2009 và Đỗ Diễm T, sinh ngày 05-6-2020, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh V, giao hai con cho chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo khởi kiện đề ngày 01-12-2025, chị Đỗ Thị Thanh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đỗ Cao P, các đương sự đều cư trú tại xã C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án) và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Ly

hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tai phiên tòa: Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh P tại phiên tòa.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh P đều trình bày anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển số 01 ngày 05-12-2006 của UBND xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai). Việc kết hôn của anh chị đảm bảo về điều kiện kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, chị V trình bày vợ chồng bất đồng nghiêm trọng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong các vấn đề về kinh tế, gia đình, không nói chuyện, không thống nhất được với nhau, anh P thường xuyên mắng chửi, xúc phạm chị tạo cho chị rất nhiều áp lực, căng thẳng. Hiện nay anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn nói chuyện, không chia sẻ với nhau, việc ai nấy làm. Mâu thuẫn của anh chị đã phát sinh từ lâu và diễn ra trong một thời gian dài… Anh P thừa nhận những mâu thuẫn như chị V trình bày và không có ý kiến phản đối, chỉ mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ vì việc bố mẹ ly hôn sẽ gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các con. Mặc dù mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh P không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với chị V, chỉ đến Tòa án làm việc 01 lần vào ngày 17-3-2026 và cố tình không tham gia phiên tòa. Toà án đã nhiều lần liên hệ, giải thích để anh P biết hậu quả của việc không chấp hành quyền, nghĩa vụ tố tụng và việc ly hôn nhưng anh P vẫn để mặc cho hậu quả xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh P là có thật, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình (sau đây gọi là Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về quan hệ hôn nhân, xử cho chị V được ly hôn anh P.

[2.3] Về nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh P có ba con chung là cháu Đỗ Cao C, sinh ngày 28-3-2008; cháu Đỗ Diễm M, sinh ngày 19-11-2009 và cháu Đỗ Diễm T, sinh ngày 05-6-2020. Cháu C hiện nay đã đủ 18 tuổi và tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với các cháu M và T, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị V phù hợp với nguyện vọng của cháu M, cháu T còn nhỏ, lại là con gái nên việc giao cháu T cho chị V nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo hơn về mọi mặt, nhất là sự phát triển tâm sinh lý trong quá trình trưởng thành của cháu. Anh P không có ý kiến, yêu cầu, không tranh chấp nuôi con với chị V. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc nuôi con, giao hai con chung là cháu Đỗ Diễm M và Đỗ Diễm T cho chị V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[2.4] Chị V và anh P đều trình bày hiện nay chị V đang thai con chung thứ tư của anh chị. Tuy nhiên do con chung chưa sinh ra nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân".

Trường hợp các đương sự có tranh chấp về việc xác định cha, mẹ con hoặc quyền, nghĩa vụ nuôi con liên quan đến người con mà chị V đang mang thai thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để được Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật khi con chung đã sinh ra và còn sống.

[2.5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị V đã được giải thích về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con nhưng không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là quyền tự định đoạt của chị V nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[2.6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh P đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn, chị V và anh P có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh V được ly hôn anh Đỗ Cao P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển số 01 ngày 05-12-2006 của UBND xã D, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là UBND xã C, tỉnh Gia Lai) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con: Giao hai con chung là Đỗ Diễm M, sinh ngày 19-11-2009 và Đỗ Diễm T, sinh ngày 05-6-2020 cho chị Đỗ Thị Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 21-5-2026 cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Cao P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Thanh V chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0006489 ngày 15-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh